TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày 24/7/2023
"Về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Phan Sỹ Phác.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Thế Toàn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:* Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích T; sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; ông H vắng mặt, bà S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Trong thời gian năm 2018 ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị S nhiều lần mua nợ phân bón, xăng, dầu, gạo, thuốc trừ sâu của bà T, thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng, thời hạn thanh toán đến mùa cà phê năm 2018 (Tức cuối năm 2018),

tổng số tiền ông H, bà S còn nợ bà T là 57.390.000 đồng, đến thời hạn thanh toán đã nhiều lần bà T yêu cầu ông H, bà Sự phải có nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên ông H, bà S không thực hiện việc trả nợ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị S phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền là 94.390.000 đồng, trong đó tiền gốc là 57.390.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo lời khai của bị đơn bà Hoàng Thị S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Năm 2018 gia đình bà S nhiều lần mua nợ phân bón, xăng, dầu, gạo, thuốc trừ sâu và nợ số tiền 57.390.000 đồng của bà Lê Thị Bích T, do hoàn cảnh kinh tế gia đình nên bà chưa thanh toán được cho bà T được; đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà Sự chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 57.390.000 đồng với điều kiện trả dần mỗi năm một ít, còn số tiền lãi 37.000.000 đồng thì bà S xin bà T chứ bà không có khả năng trả nợ. Đối với chồng bà Sự là ông Nguyễn Văn H có biết việc bà S mua hàng nợ tiền, tuy nhiên khi ký giấy tờ do ông H không biết chữ, bà T đại diện ký thay cho ông H nên bà S xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng và chấp nhận trả nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự (Trừ ông H) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 430; Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Bích T số tiền nợ gốc là 57.390.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*; bị đơn cư trú tại Thôn

X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Lê Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

2 Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hội đồng xét xử xét thấy trong năm 2018 ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị S nhiều lần mua nợ phân bón, xăng, dầu, gạo, thuốc trừ sâu của bà T với tổng số tiền 57.390.000 đồng, thời hạn thanh toán mùa cà phê năm 2018 (Tức là cuối năm 2018, là ngày 31-12-2018), điều này phù hợp với trình bày của bị đơn bà Hoàng Thị S. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên là có thật và hợp pháp. Đến hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị S không thực hiện việc trả như thỏa thuận của các bên là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự. Về yêu cầu trả lãi suất chậm trả: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 37.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả lãi chậm trả từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thỏa thuận của các bên trong hợp đồng mua bán tài sản và trình bày của các đương sự thì thời hạn trả nợ cuối cùng là 31/12/2018 nhưng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả kể từ ngày tiếp theo của thời hạn cuối cùng với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định: *Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán".*

Điều 440. Nghĩa vụ trả tiền

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu

các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 468 của Bộ luật dân sự: *1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

[2.2]. Xét nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn H là chồng của bà Hoàng Thị S: Mặc dù ông H không tham gia ký kết hợp đồng mua bán tài sản nhưng bà S mua những loại tài sản nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, sau khi nợ tiền ông H đều biết và không có ý kiến gì nên cần buộc ông H và bà S cùng liên đới trả toàn bộ số tiền nợ là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Xét đề nghị của bà Hoàng Thị S về việc xin miễn số tiền lãi phải trả nhưng không được bà T chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bà Sự.

Do đó, bà Lê Thị Bích T yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị S phải trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền nợ gốc 57.390.000 đồng và nợ lãi từ ngày 01/01/2019 đến ngày 24/7/2023: 57.390.000 đồng x 54 tháng và 23 ngày) ngày x 10%/năm = 26.192.000 đồng, tổng cộng 83.582.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Lê Quang T là chồng bà Lê Thị Bích T: Ông T xác nhận việc tranh chấp giữa bà T và ông H, bà Sự không liên quan đến quyền lợi của ông T, không yêu cầu tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 83.582.000 đồng x 5% = 4.179.000 đồng; trả lại bà Lê Thị Bích T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 33, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích T, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị S phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Bích T tổng số tiền 83.582.000 đồng, trong đó tiền gốc là 57.390.000 đồng và tiền lãi 26.192.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị S phải chịu 4.179.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Lê Thị Bích T 2.360.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009260, ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh